



Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.  
*Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cho anh Trịnh Hữu N nhưng anh không có ý kiến.*

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chị D yêu cầu ly hôn với anh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị D và anh N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm lẫn nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã ly thân từ 9/2021 đến nay, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Điều đó cho thấy hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh N.

[2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị D thấy rằng cháu H dưới 36 tháng tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình thì giao cho chị D trực tiếp nuôi. Chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không có, chị D không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chị D đã nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ nêu trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trịnh Hữu N.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Chị Phan Thị D và anh Trịnh Hữu N được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao cháu Trịnh San H, sinh ngày 18/10/2019 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 30/3/2022 chị D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014841 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Quốc Văn**